

3. Thiều Văn H2, sinh ngày 20/10/2002 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thiều Văn T2 (đã chết) và bà Mai Thị H3; sinh năm 1982; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thảo M và có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2023 đến nay. Có mặt.

4. Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 31/01/2005 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện tại: tổ dân phố E, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: học sinh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung N và bà Mai Thị H4; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2023 đến nay. Có mặt.

5. Đoàn Văn H5, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn A P, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Q1 và bà Trương Thị D (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2023 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc H:* ông Lê Hải H6 - Luật sư thuộc Công ty L Địa chỉ: 3 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc T1:* bà Nguyễn Thị Tuyết T3 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư La M1. Địa chỉ: số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thiều Văn H2:*

+ Ông Nguyễn Tăng H7 - Luật sư thuộc Văn phòng L1. Địa chỉ: B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Ông Đặng Đình T4 - Luật sư thuộc Công ty L2. Địa chỉ: C N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Đ:* ông Nguyễn Đình H8 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Mai H9. Địa chỉ: số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn H5:* ông Phạm Ngọc T5 - Luật sư thuộc Văn phòng L3. Địa chỉ: tổ I, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 21/8/2022, Nguyễn Trung K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47AB-186.76, chở Nguyễn Quốc T6 và Lê Thành N1 đi từ thôn C, xã E ra trung tâm xã E để uống cà phê thì gặp nhóm của Y Thép B, Y Nam B1, Y Phil Ê, Y Ước N2, Y Guên B2, Y Rung N3 đang ngồi uống rượu tại khu vực ngã tư đường L thuộc buôn T, xã E. Lúc này, Y N4 nhận ra có quen với T6 nên gọi lại, thì K dừng xe, sau đó T6 và N1 xuống xe đi đến chỗ nhóm Y N4. Cho rằng nhóm của T6 và N1 nẹt pô xe máy nên Y G, Y U dùng tay, chân đánh vào người T6 và N1 nhưng không để lại thương tích, lúc này có Y Jung B3 ở gần đó đi đến dùng tay đánh T6 thì T6 và N1 bỏ chạy.

Sau đó, K điều khiển xe chở T6 và N1 đi đến khu vực phía trước sân bóng đá H thuộc buôn C, xã E, thì N1 nói K dừng xe lại và nói với T6 và K: *“Để tao gọi anh ra nói chuyện đánh lại bọn nó”* rồi dùng điện thoại của T6 gọi cho em họ là Thiều Văn H2 để gặp anh ruột là Lê Quốc H và rủ H đến giúp N1 đi đánh lại nhóm Y N4 thì H đồng ý. Sau đó, H rủ H2 và Đoàn Văn H5 cùng đi đánh nhau giúp N1 thì H2 và H5 đồng ý. Sau đó, H2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48D1-368.00 chở H, H5 điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh đen (không xác định được biển kiểm soát) đi một mình cùng đi đến chỗ N1, do xe hết xăng nên H5 gửi tại tiệm tạp hóa gần đường rồi sang xe H đi đến sân bóng Hữu Á gặp N1. Sau khi N1 gọi điện thoại cho H; T6 cũng gọi điện thoại cho Y Rap B4-E-Buôn K, nói: *“Tao mới bị đánh, mày ra giúp tao với”* thì Y R đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47AB-093.80 đi đến sân bóng H. Tại đây, H2 gọi điện thoại cho Nguyễn Trung Đ để gặp anh ruột của N1 là Lê Quốc T1 rồi N1 rủ T1 đi đánh lại nhóm Y N4 thì T1 đồng ý. T1 mang theo 01 bình xịt hơi cay và nhờ Đ chở T1 về nhà, T1 không nói cho Đ biết việc chở T1 đi đánh nhau giúp N1. Sau đó, Đ mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu trắng cam (không xác định được biển kiểm soát) của một người tên T7 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) chở T1 đi theo hướng từ đường Y vào trung tâm xã E, thành phố B.

Cùng thời điểm này, ở phía trước sân bóng, H nói với N1, Y R, H5, H2, T6, K *“Có hàng không chơi tay đôi sao lại?”* thì Y R nói: *“Ở trong rẫy em có”* rồi Y R điều khiển xe mô tô chở N1 đến rẫy nhà mình thuộc xã E lấy 01 thanh kim loại dài 02 mét, đầu gắn 01 lưỡi kim loại dẹt, có đầu nhọn rồi quay lại sân bóng H; còn H rủ H5, H2, N1 về nhà mình lấy thêm hung khí. Trên đường đi, N1 nhìn thấy nhóm Y N4 đang ngồi uống rượu bên cạnh tiệm T9, thuộc buôn T, xã E thì chỉ cho H5, H, H2 biết đây là nhóm đã đánh N1 trước đó, thấy vậy H nói: *“Tụi nó đông vậy về lấy thêm đồ”*. Khi đi đến tiệm T10 gửi xe trước đó, H5 và H2 xuống xe, còn N1 tiếp tục chở H về nhà lấy 01 con dao dài khoảng 70cm, cán dao bằng gỗ dài khoảng 20cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 50cm, bản dao rộng 05cm, dày khoảng 0,3cm rồi N1 chở H quay lại chỗ H2, H5. Tại đây, H2 điều khiển xe mô tô chở H, H5 điều khiển xe mô tô chở N1 đi đến chỗ nhóm Y, đi được một đoạn thì nhóm của N1 gặp Tô Minh Á1 đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47AB-197.87, chạy theo sau xe của Y R, nên N1 sang xe của Á1 ngồi và rủ Á1 đi đánh nhau giúp N1 thì Á1 đồng ý. Lúc này, Y R chạy theo

sau nhóm của N1, do xe Y R bị hư đèn, trời tối không theo kịp nhóm N1 nên đã quay về khu vực trước sân bóng Hữu Á đứng chờ. Trên đường đi nhóm của N1 gặp K điều khiển xe mô tô chở T6, rồi cùng đi đến khu vực trước Trường Tiểu học L4, thuộc buôn T, xã E gặp T1 và Đ. Tại đây, Đ biết được nhóm của T1 chuẩn bị đi đánh nhóm Y N4 nên đã đồng ý tham gia cùng. T1 nói với cả nhóm gồm có Hiếu, N1, Đ, H2, H5, Á1, K, T6: “*Để tao lên nói chuyện với bọn nó trước, còn lại đi sau, có gì tao xịt hơi cay thì vào đánh luôn*” thì cả nhóm đồng ý. Sau đó, H2 điều khiển xe mô tô chở H cầm theo con dao; Á1 điều khiển xe mô tô chở N1 cầm theo một thanh kim loại dài 02 mét, đầu có gắn 01 lưỡi kim loại dẹt có đầu nhọn; Đ điều khiển xe mô tô chở T1 mang theo 01 bình xịt hơi cay; K điều khiển xe mô tô chở T6; H5 điều khiển xe mô tô một mình đi đến đánh nhóm của Y N4. Trên đường đi T6 nhặt 01 cây gậy gỗ ven đường làm hung khí, còn H5 đến tiệm cắt tóc cách chỗ nhóm của Y N4 đang ngồi uống rượu khoảng 70m gửi xe mô tô rồi đi bộ đến với mục đích giúp N1 đánh nhóm của Y N4. Khi đi đến chỗ nhóm Y N4 thì T1, H, N1 đi đến, H nói: “*Mấy anh có phải đánh thằng em của em phải không?*”, rồi N1 chỉ vào chỗ Y T8 đang ngồi quay lưng về phía nhóm của H, nói: “*Nhóm này đánh em*”. Ngay lập tức H cầm con dao bằng tay phải giơ lên chém liên tiếp 02 nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng đầu và vùng ngang lưng làm Y T8 nằm gục xuống bất tỉnh tại chỗ; Thảo cầm bình hơi cay xịt vào nhóm của Y T8, N1 cầm thanh kim loại dài 02 mét, đầu có gắn 01 lưỡi kim loại dẹt có đầu nhọn chém nhiều nhát trúng vào vai trái của Y Ước N2 và trúng vào vùng cổ, tay phải, lưng trái của Y Phil Ê gây thương tích; T6 cầm gậy gỗ lao vào đánh nhưng nhóm Y G, Y N4, Y U, Y P, Y R1 đã bỏ chạy. Sau đó, H cùng cả nhóm lên xe bỏ đi, trên đường gặp H5 mới gửi xe đang đi bộ lại giúp N1 đánh nhóm Y T8 thì cả nhóm nói đã đánh xong nên H5 cùng cả nhóm bỏ đi. Còn Y T8 được mọi người đưa đến Bệnh viện Đ1 cấp cứu và điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 765/TgT-TTPY ngày 26/8/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Y Thép B là **27%**; Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 1050 ngày 30/11/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Y Thép B là **28%**;

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1051 ngày 30/11/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Y Ước N2 là **2%**;

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1052 ngày 30/11/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Y Phil Ê là **5%**;

Quá trình điều tra, bị hại Y Thép Byã yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 100.000.000 đồng. Các bị cáo bồi thường thiệt hại cho Y Thép B với tổng số tiền 20.500.000 đồng, cụ thể: Thiều Văn H2 đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Bị hại Y Thép Byã không yêu cầu bị cáo Thiều Văn H2 phải bồi thường thiệt hại thêm; Đoàn Văn H5 đã bồi thường 500.000đồng; Lê Quốc H, Lê Thành

N1, Lê Quốc T1 đã bồi thường tổng số tiền 3.000.000đồng; Nguyễn Trung Đ đã bồi thường 1.000.000đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HSST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: tuyên bố các bị cáo Lê Quốc H, Lê Quốc T1, Thiều Văn H2, Nguyễn Trung Đ, Đoàn Văn H5 phạm tội “*Giết người*”.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quốc H 14 (Mười bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm o khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quốc T1 13 (Mười ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thiều Văn H2 11 (Mười một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ 07 (B5) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2023.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 54, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn H5 11 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn kháng cáo, các bị cáo Lê Quốc H, Lê Quốc T1, Thiều Văn H2, Nguyễn Trung Đ, Đoàn Văn H5 kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Lê Quốc H từ chối Luật sư do Toà án chỉ định bào chữa cho bị cáo; các bị cáo kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc T1 trình bày quan điểm:* đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, bị cáo

không trực tiếp gây ra thương tích cho người bị hại; hiện bị cáo đang bị tạm giam nên không thực hiện được việc bồi thường cho người bị hại và giảm cho bị cáo một phần hình phạt;

- *Người bào chữa cho bị cáo Thiều Văn H2 trình bày quan điểm:* bị cáo H2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; vai trò của bị cáo trong vụ án không đáng kể; hành vi của bị cáo H là vượt quá mong muốn của các bị cáo khác trong vụ án, bị cáo đã bồi thường toàn bộ phần trách nhiệm dân sự của mình cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm để giảm cho bị cáo Thiều Văn H2 một phần hình phạt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Đ trình bày quan điểm:* vai trò của bị cáo Đ trong vụ án là rất hạn chế, bị cáo không tham gia đánh người bị hại, bị cáo chỉ đứng ngoài với khoảng cách rất xa. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ đối với bị cáo là không chính xác; tại cấp sơ thẩm, gia đình bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện ông bà nội bị cáo là người có công với cách mạng nhưng tòa cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm cho bị cáo Nguyễn Trung Đ một phần hình phạt;

- *Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn H5 trình bày quan điểm:* bị cáo H5 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ ly hôn; bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo luôn thành khẩn khai báo; vai trò của bị cáo trong vụ án là không đáng kể; mức hình phạt 11 năm tù mà Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Quốc H, Lê Quốc T1, Thiều Văn H2, Nguyễn Trung Đ và Đoàn Văn H5 kháng cáo bản án sơ thẩm với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định. Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: xuất phát từ mâu thuẫn giữa Nguyễn Quốc T6 và Lê Thành N1 bị Y Guên B2 và Y Ước N2 đánh vào người vì cho rằng nhóm

T6 có hành vi net pô xe máy nên vào khoảng 21 giờ ngày 21/8/2022, tại buôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Lê Quốc H, Lê Quốc T1, Thiều Văn H2, Nguyễn Trung Đ, Đoàn Văn H5, Lê Thành N1, Nguyễn Trung K, Tô Minh A1 và Y Rap B4-En-Buôn Krông có hành vi chuẩn bị 02 con dao, 01 cây gậy gỗ, 01 bình xịt hơi cay đánh nhóm của Y Thép B. Trong đó, Lê Quốc H dùng dao chém liên tiếp 02 nhát trúng vào vùng đầu, lưng của Y T8 Byã làm vỡ lún sọ đỉnh trái, gây thương tích ở lưng. Anh Y Thép B bị thương tích với tổng tỉ lệ là 28%.

Với hành vi và hậu quả trên, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết tội Lê Quốc H, Lê Quốc T1, Thiều Văn H2, Nguyễn Trung Đ và Đoàn Văn H5 “*Giết người*” với tình tiết định khung “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức rõ được việc dùng dao chém vào vùng lưng, đầu của người bị hại có thể dẫn đến chết người nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ, coi thường tính mạng, sức khỏe người khác. Sau khi H chém anh Y T8 Byã gục tại chỗ, các bị cáo bỏ đi, để mặc hậu quả xảy ra, việc anh Y Thép B không chết mà chỉ bị thương tích 28% là ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng cũng như đấu tranh và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Lê Quốc H là người trực tiếp dùng dao dài 70cm chém nhiều nhát vào đầu, lưng người bị hại. Khi Y Thép B gục tại chỗ, bị cáo T1 xông vào xịt hơi cay để đồng bọn tiếp tục tấn công; Thiều Văn H2 giúp sức tích cực chờ H đến đánh nhau; Đ, H5 không chém người bị hại nhưng trước đó H5 chở H, Đ chở T6 và sau đó thống nhất cùng cả nhóm đi tìm đánh nhóm bị hại. Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại; nguyên nhân xảy ra vụ án cũng do một phần lỗi của nhóm người bị hại; các bị cáo phạm tội chưa đạt; tại thời điểm phạm tội, Nguyễn Trung Đ chưa đủ 18 tuổi; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thiều Văn H2; bị cáo Lê Quốc T1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*”. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự như trên đối với các bị cáo của Toà án cấp sơ thẩm là có cơ sở, đúng pháp luật.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Quốc H 14 năm tù, Lê Quốc T1 13 năm tù, Thiều Văn H2, Đoàn Văn H5 mỗi bị cáo 11 năm tù, Nguyễn Trung Đ 07 năm tù; mức hình phạt này là tương xứng, không nặng và phù hợp với vai trò của từng bị cáo trong vụ án cũng như phù hợp với đường lối xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Thiều Văn H2 được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; hồ sơ vụ án thể hiện Nguyễn Trung Đ có ông, bà nội là người có công với đất nước, Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới có ý nghĩa để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Quốc H, Lê Quốc T1, Thiều Văn H2, Nguyễn Trung Đ và Đoàn Văn H5; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[5]. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Quốc H, Lê Quốc T1, Thiều Văn H2, Nguyễn Trung Đ và Đoàn Văn H5. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với các bị cáo.

2. Tuyên bố các bị cáo Lê Quốc H, Lê Quốc T1, Thiều Văn H2, Nguyễn Trung Đ và Đoàn Văn H5 phạm tội “*Giết người*”.

2.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quốc H 14 (Mười bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2023.

2.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm o khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quốc T1 13 (Mười ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2023.

2.3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thiều Văn H2 11 (Mười một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2023.

2.4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2023.

2.5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 54, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn H5 11

(Mười một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/7/2023.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Lê Quốc H, Lê Quốc T1, Thiều Văn H2, Nguyễn Trung Đ và Đoàn Văn H5, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trần Đức Kiên